

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Sáng*

Ngày nhận: 01/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 23/10/2015

Ngày duyệt đăng: 30/10/2015

Tóm tắt:

Phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là nhân tố đóng vai trò quyết định sự phát triển của các ngành công nghiệp. Bài viết này chỉ ra thực trạng phát triển CNHT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất sản phẩm cả về số lượng lẫn chất lượng. Bài viết đề xuất các giải pháp trên các phương diện về vốn, công nghệ, nhân lực và quy hoạch nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả và bền vững.

Từ khóa: Công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, nội địa hóa, linh kiện, phụ kiện

The development of supporting industry in Ho Chi Minh city

Abstract:

The development of supporting industry is the key factor which influences the growth of industries. This paper analyses the situation of supporting industry development in Ho Chi Minh city. The results show that supporting industry in the city has not met the requirements in terms of both product quantity and quality. This paper also provides some solutions regarding investment, human resources, technology and policy.

Keywords: Supporting industry, supporting industry product, localization, accessories, assembling materials

1. Giới thiệu

Công nghiệp hỗ trợ là ngành sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho việc chế tạo các sản phẩm chính của ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp. Việc phát triển công nghiệp phụ trợ sẽ gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp và giảm giá thành sản xuất. Đánh giá đúng vị trí của ngành công nghiệp này trong nền kinh tế, thời gian qua Nhà nước đã dành chính sách ưu đãi để phát triển. Tuy nhiên cho đến nay ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam vẫn chưa có sự phát triển đáng kể.

So với nhiều địa phương khác trong cả nước, công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hình thành và phát triển từ rất sớm. Tuy nhiên, có một thực tế cần phải thừa nhận là công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh vừa thiếu lại vừa yếu.

Bằng chứng là nhiều tập đoàn công nghệ cao của thế giới đã lựa chọn đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh (Intel, Samsung) và các hãng lớn sản xuất ô tô (Toyota, Honda) nhưng họ rất khó khăn trong việc tìm kiếm các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có khả năng cung ứng các linh phụ kiện đáp ứng những tiêu chuẩn của các tập đoàn này. Thời gian qua, các bộ ngành Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều cơ chế chính sách để phát triển công nghiệp hỗ trợ nhưng nhìn chung công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Tình hình trên, cần thiết phải nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng và nguyên nhân của nó nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra cho sự phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp kế thừa thông qua nghiên cứu các tài liệu thứ cấp từ Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh và các bài báo, các đề tài nghiên cứu trước với phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi định lượng với 221 doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được lựa chọn thuận tiện và phỏng vấn trực tiếp. Trong mẫu nghiên cứu có 49% là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, 39% doanh nghiệp công nghiệp sản xuất chính và 12% doanh nghiệp thương mại dịch vụ. Theo thành phần sở hữu có 5,1% doanh nghiệp nhà nước, 83,6% doanh nghiệp tư nhân và 11,2% doanh nghiệp FDI. Theo cơ cấu quy mô có 14,3% doanh nghiệp lớn, 32,7% doanh nghiệp vừa và 53,1% doanh nghiệp nhỏ. Theo ngành sản xuất kinh doanh có 3,3% doanh nghiệp ô tô, 11,5% doanh nghiệp xe máy, 1,6% doanh nghiệp xe đạp, 6,6% doanh nghiệp điện công nghiệp, 13,2% doanh nghiệp điện gia dụng, 11,6% doanh nghiệp điện tử, 14% doanh nghiệp cơ khí, 4,9% doanh nghiệp dệt may, 7,4% doanh nghiệp da giày, 25,6% doanh nghiệp khác.

Dữ liệu thu thập trong điều tra khảo sát bao gồm: tỉ lệ nội địa hóa; cơ cấu vốn; khả năng vay vốn ngân hàng và mức độ đáp ứng nhu cầu vốn (thang đo likert 5 điểm); cơ cấu trình độ đào tạo nguồn nhân lực; mức độ khó khăn trong tuyển dụng lao động quản lý và lao động kỹ thuật (thang đo likert 5 điểm); trình độ công nghệ (thang đo likert 5 điểm); mối quan hệ, liên kết với nhà cung cấp và khách hàng (thang đo likert 5 điểm). Dữ liệu định lượng thu thập được xử lý chủ yếu bằng các thống kê mô tả và so sánh trên phần mềm Excel và SPSS.

3. Kết quả và thảo luận

Bảng 1: Số lượng và tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ở Tp Hồ Chí Minh theo qui mô

			Quy mô doanh nghiệp			
			DN lớn	DN vừa	DN nhỏ	Tổng
Loại DN	1	DN sản xuất chính	7	15	16	38
		% loại DN	18,4	39,5	42,1	100
	2	DN công nghiệp hỗ trợ	7	10	31	48
		% loại DN	14,6	20,8	64,6	100
	3	DN thương mại dịch vụ	0	7	5	12
		% loại DN	0	58,3	41,7	100
Tổng			14	32	52	98
		% loại DN	14,3	32,7	53,1	100

Nguồn: Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2015)

3.1. Thực trạng phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Về qui mô

Theo báo cáo thuộc chương trình Tư vấn Chính sách Phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh do Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện vào cuối năm 2014, doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 95% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn. Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy có mối quan hệ giữa ngành sản xuất chính và công nghiệp hỗ trợ với qui mô doanh nghiệp. Theo đó doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 85,4% tổng số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Như vậy, lực lượng chủ yếu tham gia sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ chính là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều đó có liên quan đến hiện tượng các doanh nghiệp lớn ở Việt Nam chỉ thích tự sản xuất ra thành phẩm để tiêu thụ trên thị trường với mô hình tích hợp theo chiều dọc (Hoàng Văn Châu, 2010).

Nhìn chung công nghiệp hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh phát triển không đều nhau, chủ yếu phát triển mạnh ở các ngành thâm dụng lao động và kỹ thuật đơn giản như: ngành da - giày, xe máy, điện gia dụng, điện công nghiệp, cơ khí đơn giản, dệt - may. Các ngành khác có công nghệ phức tạp, hàm lượng lao động thấp như thiết bị điện tử nghe nhìn, máy công nghiệp, ô tô kém phát triển chỉ mới đáp ứng trên dưới 10% nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất chính.

Công nghiệp hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh dù đã hình thành khá lâu nhưng chưa tạo ra được bước đột phá nào đáng kể, hoạt động sản xuất phục vụ xuất khẩu phần lớn còn phụ thuộc tới 80%

nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu. Các doanh nghiệp cung cấp linh kiện, bán sản phẩm hiện nay chủ yếu là các doanh nghiệp FDI của Nhật Bản, Hàn Quốc đang đầu tư vào Việt Nam, tiếp theo là các doanh nghiệp Đài Loan, cuối cùng mới là các doanh nghiệp Việt Nam với một tỷ trọng hạn chế. Điều này cho thấy vấn đề của công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh dưới góc độ quy mô ngành là còn nhỏ bé, chỉ mới ở trình độ sơ khai, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất.

3.1.2. Về tỷ lệ nội địa hóa

Theo số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu chiến lược và chính sách công nghiệp thuộc Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (2015) thì đến năm 2013, tỷ lệ nội địa hóa của một số ngành cụ thể như sau:

- Ngành công nghiệp hỗ trợ điện và điện tử: Cụm thiết bị nghe nhìn 6%, cụm thiết bị điện tĩnh 60%, cụm thiết bị điện quay 55%, cụm thiết bị điện khác 50%.

- Ngành công nghiệp hỗ trợ cơ khí chế tạo: cụm kết cấu kim loại thùng bể chứa 76%, cụm khuôn mẫu và dụng cụ kim khí 55%; cụm động cơ, tua bin, máy nén 32%; cụm bếp lò 42%, cụm máy công nghiệp thông dụng và chuyên dụng 14%, cụm máy thủ công và hàng cơ khí khác 60%.

- Ngành công nghiệp hỗ trợ dệt may: Cụm vải,

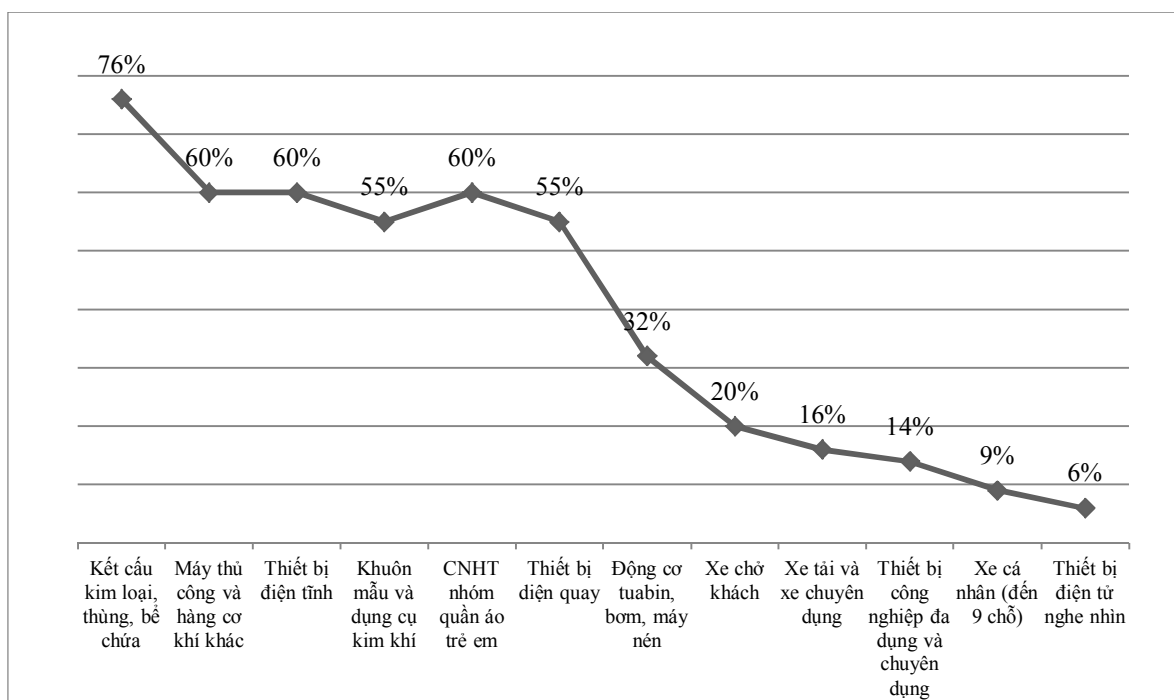
chi lưới, dây bền 34,5%; cụm quần áo người lớn 42%, cụm quần áo trẻ em 60%.

- Ngành công nghiệp hỗ trợ giày-da: cụm giày, dép da, giả da cho người lớn 37%, cụm giày dép da, giả da cho trẻ em 38,5%; cụm giày dép vải 41%, cụm giày thể thao 39%; cụm các sản phẩm khác có dùng da, giả da 38%.

- Ngành công nghiệp hỗ trợ ô tô: Cụm xe cá nhân 9%, cụm xe chở khách 20%, cụm xe tải và xe chuyên dùng khác 16%.

Theo kết quả khảo sát năm 2015 của nhóm nghiên cứu, tỷ lệ nội địa hóa của công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (chưa tính thêm phần do doanh nghiệp sản xuất chính tự chế) chỉ là 33,44%. Nhìn chung mặc dù chiến lược xây dựng ngành công nghiệp hỗ trợ được Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm thực hiện hơn 10 năm qua, song lĩnh vực này vẫn từng bước phát triển chậm chạp. Công nghiệp hỗ trợ của Thành phố chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, chưa chủ động tạo ra hoặc tham gia chuỗi giá trị sản phẩm... Theo Diễn đàn phát triển Việt Nam (2006), kết quả này rất lạc hậu khi Trung Quốc và Thái Lan đều có các ngành công nghiệp hỗ trợ cạnh tranh, đại diện bởi tỷ lệ mua sắm địa phương cao của Trung Quốc là 55,9% vào năm 2003 và tại Thái Lan là 47,9% trong năm 2004. Rõ ràng là việc nội địa hóa thấp sẽ rất khó khăn cho công nghiệp

Hình 1: Tỷ lệ nội địa hóa của một số ngành công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013



Nguồn: Nguyễn Tuấn Tú (2014)

Bảng 2: So sánh cơ cấu nguồn vốn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ so với doanh nghiệp sản xuất chính

Loại doanh nghiệp	Vốn tự có	Vốn vay	Vốn chiếm dụng và liên kết	Vốn khác
DN sản xuất chính	70,81%	18,11%	5,68%	5,41%
DN công nghiệp hỗ trợ	80,86%	10,91%	3,19%	5,04%

Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2015)

thành phố tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm.

3.1.3. Về nguồn vốn kinh doanh

Nhìn chung nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ khó khăn hơn doanh nghiệp sản xuất chính với 80,86% vốn tự có so với 70,81%. Nguồn vốn vay doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chỉ đạt 10,91% so với 18,11% của doanh nghiệp sản xuất chính (Bảng 2).

Cơ cấu vốn khó khăn của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bắt nguồn từ khả năng vay vốn ngân hàng thấp. Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chỉ đạt khả năng vay trung bình 3,18 so với 3,67 của doanh nghiệp sản xuất chính mà nguyên nhân chủ yếu là doanh nghiệp qui mô nhỏ, không có tài sản thế chấp và mức độ tín nhiệm với ngân hàng thấp do rủi ro trong kinh doanh cao. Yasuzumi (2014) nhận định các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, có mức đánh giá tín nhiệm tín dụng thấp, mà tín nhiệm thấp thì ngân hàng không cho vay.

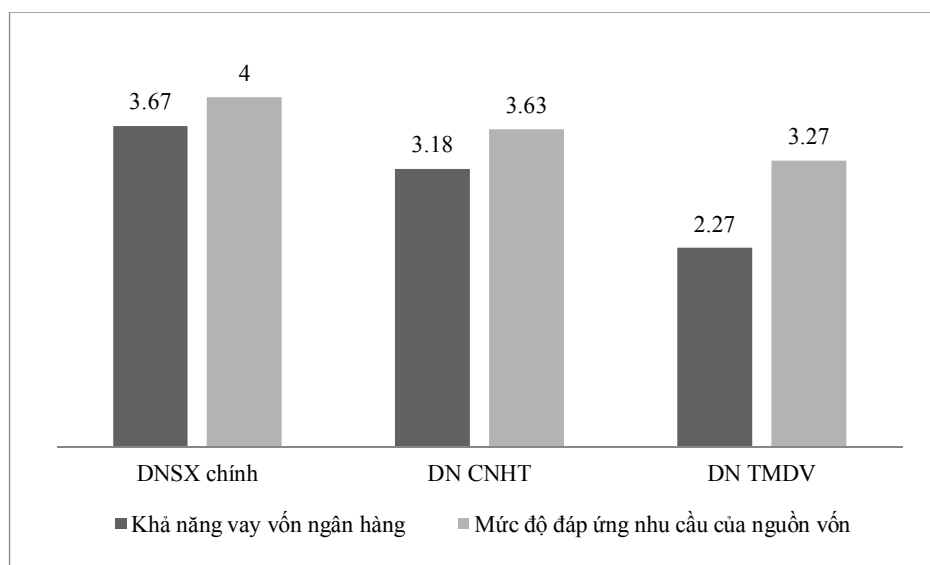
Từ tình hình đó, mức độ đáp ứng nhu cầu vốn

kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ cũng kém hơn ở mức trung bình (3,63 điểm) so với mức cao (4 điểm) của doanh nghiệp sản xuất chính (Hình 2). Theo khảo sát có 47,4% doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trả lời có nguồn vốn đáp ứng được nhu cầu, 32,6% cho rằng vay vốn ngân hàng khó, không đủ vốn kinh doanh.

Nhìn chung nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ gặp nhiều khó khăn với 80,86% vốn tự có. Cơ cấu vốn khó khăn của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ bắt nguồn từ khả năng vay vốn ngân hàng thấp. Nguyên nhân phần lớn là doanh nghiệp qui mô nhỏ, không có tài sản thế chấp và mức độ tín nhiệm với ngân hàng thấp do rủi ro trong kinh doanh cao.

3.1.4. Về nguồn nhân lực

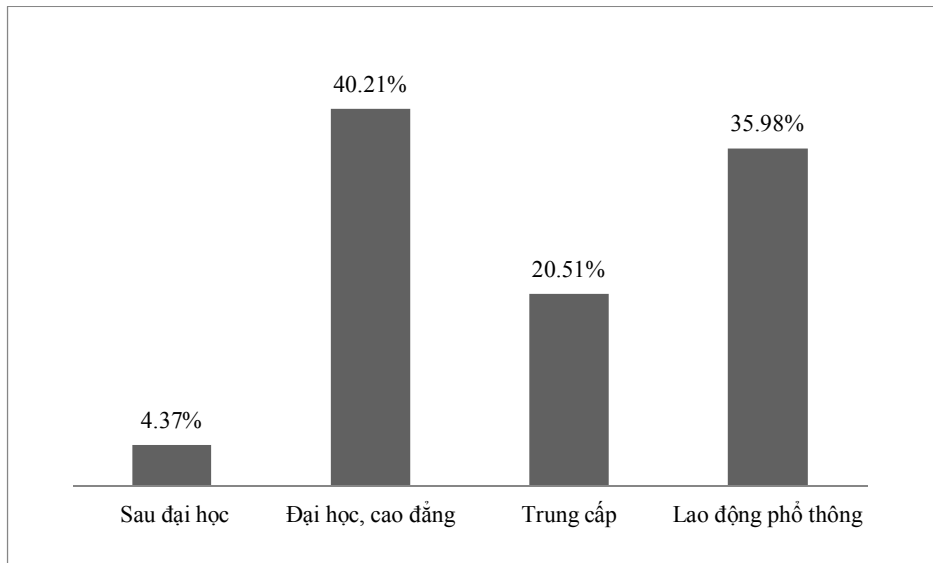
Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhìn chung chưa hợp lý khi lao động có trình độ trung cấp và lao động phổ thông lại ít hơn trình độ đại học và cao đẳng. Kết quả khảo sát của nghiên cứu cho thấy trung bình trong các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trình độ sau đại học

Hình 2: So sánh tình hình vốn kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với doanh nghiệp khác

Ghi chú: Thang đo 5 điểm: Rất thấp: 1; Rất cao: 5

Nguồn: Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2015)

Hình 3: Trình độ đào tạo của lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ



Nguồn: Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2015)

chiếm 4,37%; trình độ đại học và cao đẳng chiếm 40,21%; trung cấp chỉ chiếm 20,51%; lao động phổ thông chiếm 35,98% (hình 3).

Trong chất lượng lao động, khó khăn của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là tay nghề lao động chưa đáp ứng. Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù có 29,8% số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thừa nhận có tình trạng này nhưng khi được hỏi đây có phải là nguyên nhân gây nên khó khăn của doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh hay không, thì mức chung của các doanh nghiệp được cho là không đúng (2,8 điểm); nhưng nổi lên 2 khó khăn chính là tuyển dụng lao động quản lý khó ở mức cao (3,11 điểm) với 30,5% số doanh nghiệp có và tuyển dụng lao động kỹ thuật khó (3,41 điểm) với 47,9% số doanh nghiệp có. Đáng chú ý là tuyển dụng cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ khó hơn doanh nghiệp sản xuất chính với 3,41 điểm đồng ý so với 3,11 điểm. Vấn đề đang nổi lên trong các khu vực sản xuất công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh là hiện tượng thiếu ổn định về số lượng của đội ngũ lao động, lao động hay nhảy việc. Qua khảo sát có 46,6% số doanh nghiệp cho biết có tình trạng này.

3.1.5. Về trình độ công nghệ

Nhìn chung tình hình công nghệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hầu hết đều thấp và không có sự khác biệt so với doanh nghiệp sản xuất chính và hầu hết ở mức trung bình. Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, độ phức tạp của công nghệ chỉ ở mức trung bình (3,21 điểm); trình

độ công nghệ chỉ ở mức trung bình (3,52 điểm); tính chất công nghệ sản phẩm ở mức 3,45 điểm (mức 3 tương ứng với công nghệ cơ khí, mức 4 tương ứng bán tự động); mức độ thường xuyên đổi mới công nghệ kém, chỉ đạt 2,90 điểm. Tuy nhiên, cũng có chỉ tiêu có mức cao là độ chính xác của công nghệ ở mức cao (4,05 điểm).

Khảo sát nguồn gốc máy móc thiết bị cho thấy có đến gần 50% máy móc thiết bị có chất lượng thấp vì chỉ có 57,58% từ các nước công nghiệp phát triển và có đến 30% giá trị máy móc thiết bị có tuổi đời trên 10 năm. Đáng chú ý là chuyển giao từ khách hàng tức là từ doanh nghiệp sản xuất chính còn hạn chế chỉ 26,67%. Việc khai thác dây chuyền sản xuất thấp ví dụ như ngành điện tử chỉ đạt 67,5% công suất. Với trình độ công nghệ như trên, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh hầu như chỉ tham gia sản xuất ở các công đoạn giản đơn, giá trị gia tăng thấp nhất trong các công đoạn trong chuỗi hoạt động của ngành. Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng chưa sản xuất được trong các máy công cụ chuyên dùng trong các ngành công nghiệp mà phải nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài với chi phí đầu tư cao hơn nhiều doanh nghiệp ở các quốc gia khác, đặc biệt là các ngành sản xuất vật liệu. Điều này tạo nên rào cản khá lớn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia công nghiệp hỗ trợ (Huỳnh Thanh Điền, 2015).

3.1.6. Về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Theo Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh, các sản phẩm của công nghiệp hỗ trợ rất đa dạng

trong đó có một số sản phẩm chủ yếu của một số ngành chính như sau:

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành điện - điện tử: Trong nhóm hỗ trợ vật liệu, cho đến nay ở quy mô công nghiệp chưa có cơ sở nào tham gia vào việc sản xuất vật liệu đặc chủng. Trong nhóm hỗ trợ cấp phần tử, lĩnh vực gia công kỹ thuật điện, điện tử cao cấp chủ yếu do các hãng nước ngoài (Insytek, Kyosin Vietnam, Sanyo Semiconductor, Vprobers Holdings, Intel...) sản xuất diot bán dẫn, chip điện tử... Khoảng 10% tổng số cơ sở có gia công phụ trợ dây điện, điện trở đốt nóng, tấm kim loại đột dập, lò xo, chốt, vỏ nhựa hoặc cao su của chi tiết. Trong nhóm hỗ trợ cấp linh kiện, đa số các cơ sở làm gia công các linh kiện điện tử, các cụm chi tiết như động cơ siêu nhỏ, mạch in... phục vụ lắp ráp thiết bị nghe nhìn, điện dân dụng (máy tính, amply, đầu karaoke, đầu VCD và DVD, loa, micro, điện thoại di động...). Năng lực sản xuất tập trung vào linh phụ kiện thiết bị văn phòng, chủ yếu là xuất khẩu (gián tiếp) qua sản phẩm cuối của các hãng nước ngoài.

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhóm ngành cơ khí chế tạo: Trong nhóm cơ khí hỗ trợ, khâu tạo phôi ban đầu (bằng các công nghệ cơ bản như đúc, rèn, dập, hàn...) đã được giải quyết nhưng độ chính xác của phôi chưa cao. Khâu gia công và xử lý bề mặt vài năm gần đây có nhiều tiến bộ do máy móc thiết bị mới được đầu tư nhiều theo đòi hỏi của thị trường. Riêng các chi tiết kích thước lớn hoặc cần nhiệt luyện đặc biệt thì vẫn phải thuê ở nước ngoài. Nhóm sản phẩm còn yếu về chất lượng là chi tiết quy chuẩn cường độ cao (óc vít, lò xo, chốt...). Khâu ghép tổ hợp có thể nhìn nhận theo nhiều chuyên ngành cơ khí của thành phố như thiết bị năng lượng, máy công cụ, máy nông nghiệp, thiết bị chế biến, máy xây dựng... Sản phẩm hỗ trợ là các cụm chi tiết rất đa dạng, chủ yếu được nhập khẩu để lắp ráp sản phẩm cuối cùng.

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhóm ngành sản xuất lắp ráp ô tô: Cho đến nay khả năng chế tạo các linh kiện và phụ tùng lắp ráp trên ô tô còn rất hạn chế, đa phần là các bộ phận có kích thước cồng kềnh so với giá trị thấp của bộ phận đó như phần khung vỏ và ghế xe, sơn phủ tĩnh điện thân xe sau khi lắp hoàn chỉnh. Bộ dây điện, túi khí, chi tiết bảng điều khiển thủy lực, IC bán dẫn, lọc dầu được cung cấp từ số ít doanh nghiệp hỗ trợ (thường là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Sản phẩm hỗ trợ cho xe tải, xe khách được sản xuất trên địa

bàn như: Má phanh, sãm, lốp, thảm trải sàn, chân ga, các sản phẩm nhựa nội thất, tay nắm cửa, ghế, giường nằm, bộ dây điện truyền dẫn, các loại nhíp lá, bộ lọc nhớt, chụp đèn. Ngoài ra có một doanh nghiệp chuyên lắp ráp block máy điều hòa cho xe.

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhóm ngành dệt - may: Sợi là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ chính, trong đó chủ yếu là sợi tổng hợp nhưng chủ yếu là sợi chi số thấp và trung bình, phần lớn dành cho xuất khẩu sợi thô. Trong khi đó, các doanh nghiệp ngành dệt lại chủ yếu nhập khẩu sợi từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu cao hơn về chất lượng và tiến độ giao hàng. Riêng lĩnh vực sản xuất chỉ may, chỉ khâu đã có được chỗ đứng khá vững chắc trên thị trường nội địa. Một số mặt hàng như chăn nệm, gối, vải trải giường tăng cường sử dụng phụ liệu trong nước, nhưng hầu như chỉ được sản xuất từ các nhà cung cấp có vốn đầu tư nước ngoài. Nhuộm, in, thêu, hoàn tất tuy quy mô còn nhỏ hơn nhiều so với yêu cầu nhưng tăng trưởng khá tốt.

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhóm ngành da - giày: Các sản phẩm hỗ trợ đã sản xuất được nhưng vẫn phải nhập khẩu nhiều là da thuộc, chất liệu giả da (sử dụng nhiều cho giày thể thao) keo dán, chỉ khâu, cúc, nhãn hiệu... Giày, dép vải là cụm có tỷ lệ sử dụng nguyên phụ liệu nội địa cao nhất trong cả nhóm ngành (năm 2011 đạt khoảng 41%). Đã được tập trung đầu tư vào các khâu như đế, gót cao su và lớp lót nên những năm gần đây chất lượng tăng lên nhiều; riêng đế giày là khâu được chủ động tốt nhất, cũng chỉ đáp ứng được 35% nhu cầu sản xuất.

3.1.7. Về liên kết giữa các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và các doanh nghiệp sản xuất chính

Về thời gian liên kết: Theo giá trị cung cấp cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy có 15,39% số giá trị cung cấp cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có quan hệ trên 10 năm; 15,92% từ 5 năm đến dưới 10 năm; 32,11% từ 3 đến dưới 5 năm; 24,18% từ 1 năm đến dưới 3 năm và 12,13% dưới 1 năm. Giá trị cung cấp cho doanh nghiệp sản xuất chính không có khác biệt với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Nhìn chung quan hệ dưới 5 năm thì nhiều hơn quan hệ trên 5 năm (Bảng 4).

Về kiểu liên kết với nhà cung cấp: Kết quả khảo sát cho thấy 13,16% số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có quan hệ mẹ con với nhà cung cấp; có 25,92% có quan hệ chiến lược; 46,18% có quan hệ

Bảng 4: Cơ cấu giá trị nhà cung cấp theo thời gian quan hệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp sản xuất chính

Loại DN	10 năm trở lên	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	Từ 3 năm đến dưới 5 năm	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	Dưới 1 năm
DN SX chính	22,50%	15,89%	27,50%	23,58%	10,53%
DN CNHT	15,39%	15,92%	32,11%	24,18%	12,13%

Nguồn: Nguyễn Văn Sáng và cộng sự (2015)

thường xuyên; chỉ có 15% có quan hệ không thường xuyên. Như vậy, quan hệ chiến lược và thường xuyên chiếm đa số so với quan hệ mẹ- con và quan hệ không thường xuyên. Với doanh nghiệp sản xuất chính xu hướng cũng tương tự như so với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có quan hệ với nhà cung ứng theo kiểu thường xuyên ít hơn doanh nghiệp sản xuất chính (46,18% so với 60,09%).

Về loại hình hợp đồng với nhà cung cấp của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có 34,36% theo hợp đồng gia công; 32,05% giá trị hợp đồng theo đơn hàng; 15% theo hợp đồng dài hạn và 14,34% giá trị hợp đồng giao ngay. Tình hình với doanh nghiệp sản xuất chính cũng tương tự chỉ khác ở chỗ doanh nghiệp sản xuất chính có hợp đồng dài hạn nhiều hơn mức chung với nhà cung ứng (28,81% so với 21,63%). Như vậy loại hợp đồng gia công và dài hạn chiếm ưu thế hơn.

Từ kết quả khảo sát cho thấy mối quan hệ giữa các doanh nghiệp chưa thật sự bền chặt nhất là với doanh nghiệp nội địa Việt Nam và doanh nghiệp qui mô nhỏ. Các quan hệ trực tiếp với nhau giữa các nhà sản xuất còn hạn chế vì có đến 45,86% doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ quan hệ với nhà cung ứng là doanh nghiệp thương mại dịch vụ nhất là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Về loại hình hợp đồng có 37,88% giá trị hợp đồng theo đơn hàng và 20,96% giá trị hợp đồng giao ngay.

Về mức độ thông tin được cung cấp có 17,3% số doanh nghiệp phản ánh không đủ thông tin về nhà cung cấp. Doanh nghiệp sản xuất chính đánh giá thấp hơn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ở mức không đủ thông tin về nhà cung cấp (2,97 điểm so với 3,26 điểm). Tình trạng hợp đồng bị phá vỡ ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp nhất là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhìn chung liên kết giữa nhà sản xuất sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh với các nhà sản xuất công nghiệp hỗ trợ, giữa các nhà sản xuất công nghiệp hỗ

trợ với nhau, giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa còn rất yếu. Còn khá phổ biến tình trạng các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ không tìm kiếm được những thông tin về khả năng giao thầu của doanh nghiệp lớn, nhất là doanh nghiệp nước ngoài và ngược lại, các doanh nghiệp nước ngoài cũng ít thông tin về doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh

Để phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới cần thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

3.2.1. Giải pháp về quy hoạch

Trên cơ sở chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đã được ban hành, Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ. Quy hoạch này, phải được xây dựng dựa trên tiềm năng và lợi thế so sánh; có lộ trình cụ thể theo từng yêu cầu cho từng giai đoạn. Cụ thể là: (i) Tập trung vào sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên thuộc 5 nhóm ngành trên địa bàn thành phố là điện - điện tử (linh kiện lắp ráp đơn giản, các chi tiết nhựa, khuôn mẫu, mạch in, các vi mạch, bóng đèn led, chi tiết bằng cao su và nhựa kỹ thuật độ chính xác cao...); Cơ khí chế tạo (Khuôn mẫu và dụng cụ kim khí; Thiết bị công nghiệp đa dụng và chuyên dụng; Động cơ, tuabin, bơm, máy nén); Sản xuất lắp ráp ô tô (Kính, ghế ngồi, đèn, dây điện, lọc nhớt, linh kiện hộp số... cho các loại xe từ 10 chỗ ngồi trở lên, đặc biệt chú trọng dòng xe minibus 12-16 chỗ và vận tải nhẹ có tính đa dụng cao cho vận chuyển trong thành phố); Dệt - may (sợi nguyên liệu, phụ liệu, vải cao cấp phục vụ may xuất khẩu, vải sản xuất giày vải...); Da - giày (nguyên liệu da thuộc, phụ liệu mũ giày, đế giày, dép chất lượng cao...). (ii) Quy hoạch địa bàn sản xuất, trên cơ sở rà soát các cơ sở sản xuất, phân bổ lại các khu công nghiệp hiện có, hình thành cụm công nghiệp chuyên công nghiệp hỗ trợ

cho các nhóm ngành để thu hút đầu tư từ các tập đoàn quan tâm đến công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.2. Giải pháp về liên kết

Để phát triển công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện các dạng liên kết sau:

(i) Liên kết vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đây là dạng liên kết theo chiều ngang nhằm giảm thiểu tính trùng lặp về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, thực hiện phân công lao động sản xuất giữa các địa phương nội vùng. Với thế mạnh của mình Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung nghiên cứu sản xuất những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có mức độ phức tạp cao, chứa đựng nhiều hàm lượng công nghệ phục vụ lắp ráp các sản phẩm chính như: các loại khuôn mẫu phức tạp, chính xác dùng trong công nghiệp; Cơ khí tiêu dùng cao cấp; Máy móc thiết bị phục vụ công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản – thực phẩm; Sản phẩm công cụ các loại. Đồng Nai sẽ tập trung cho công nghiệp hỗ trợ cơ khí xây dựng và sản xuất động cơ, phụ tùng xe máy, xe đạp, da-giày; Bình Dương với trọng tâm là gia công, sản xuất phụ tùng linh kiện, dệt- may; Bình Phước là nơi sản xuất cơ khí hỗ trợ khai thác và chế biến khoáng sản; Bà Rịa – Vũng Tàu với vị trí của mình sẽ tập trung vào sản phẩm công nghiệp hỗ trợ bao gồm: kết cấu thép, các loại ống thép chế tạo giàn khoan, ống dẫn dầu và khí, phụ tùng sửa chữa tàu dịch vụ dầu khí và tàu cá...

(ii) Liên kết chuỗi sản xuất là dạng liên kết theo chiều dọc từ khâu nguyên vật liệu, sản xuất, phân phối. Liên kết giữa doanh nghiệp cung cấp linh phụ kiện với doanh nghiệp sản xuất chính. Thông qua các hoạt động liên kết này các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận những công nghệ tiên tiến từ các tập đoàn kinh tế là những nhà sản xuất chính.

3.2.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

Xây dựng các trung tâm đào tạo tại các khu công nghiệp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp FDI tham gia vào công tác đào tạo. Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ; chú trọng một số chương trình tiên tiến phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp hỗ trợ; có chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích những nghiên cứu hữu ích, sáng tạo về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ về kế hoạch đầu tư cho đào tạo phát triển nguồn nhân lực thông qua các ưu đãi về thuế. Khuyến khích và hỗ trợ một số trường Đại học có đủ năng lực trên địa bàn Thành phố

thành lập trung tâm phát triển tài năng thuộc lãnh vực công nghiệp hỗ trợ được ưu tiên phát triển, với mục đích ươm mầm, phát hiện nhân tài trong lãnh vực công nghệ chế tạo.

3.2.4. Giải pháp hỗ trợ về vốn

Thành phố cần sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi xây dựng một quỹ hỗ trợ đảm bảo ưu tiên phát triển 5 nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ. Thành lập các quỹ bảo lãnh tín dụng trung gian kết nối giữa ngân hàng với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Xây dựng ngân hàng chính sách với những ưu đãi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lãnh vực công nghiệp hỗ trợ được ưu tiên, tạo nguồn cung về vốn nhanh, hiệu quả, giúp doanh nghiệp tập trung vào sản xuất kinh doanh và có cơ hội mở rộng quy mô hoạt động của mình. Định kỳ tổ chức các buổi tọa đàm để cập nhật và phổ biến các qui định về bảo lãnh tín dụng, các chương trình hỗ trợ của Chính phủ cũng như của Thành phố, hướng dẫn hồ sơ vay vốn cho các doanh nghiệp.

3.2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ

Tăng cường ngân sách đầu tư hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ từ nước ngoài phục vụ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các công ty lớn tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thành lập các trung tâm phát triển chuyên sâu về công nghiệp hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể nhận được tư vấn kỹ thuật cần thiết đáp ứng được yêu cầu chất lượng của các nhà sản xuất chính. Xây dựng cơ chế phát triển công nghệ công nghiệp hỗ trợ theo hướng hỗ trợ kinh phí nghiên cứu công nghệ cho các dự án khoa học công nghệ ứng dụng triển khai.

3.2.6. Giải pháp tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại

Tăng cường phối hợp với các cơ quan trên địa bàn thành phố tiến hành tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, đặc biệt chú ý tới vai trò xây dựng thương hiệu công nghiệp hỗ trợ của Thành phố về các sản phẩm công nghiệp ưu tiên phát triển. Sở Công thương cần phối hợp các cơ quan liên quan thường xuyên tổ chức và nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp của các hội chợ triển lãm về các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Xúc tiến các chương trình hợp tác giữa thành phố với các Tỉnh, Thành phố trong cả nước, với các quốc gia khác liên quan đến các ngành công nghiệp hỗ trợ. □

Tài liệu tham khảo

- Diễn đàn phát triển Việt Nam (2006), *Báo cáo của VDF: công nghiệp hỗ trợ Việt Nam theo đánh giá của các nhà sản xuất Nhật Bản*, Hà Nội.
- Hà Thị Hương Lan (2014), ‘Công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam’, Luận án tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Hirokata Yasuzumi (2014), ‘Kinh nghiệm phát triển và những đề xuất lên chính phủ để phát triển công nghiệp hỗ trợ’, Kỷ yếu hội thảo chuyên ngành *Giải pháp thúc đẩy, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam*, Triễn lãm quốc tế về công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, TP Hồ Chí Minh tháng 9/2014; tr 42.
- Hoàng Văn Châu (2010), *Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- Huỳnh Thanh Điền (2015), *Định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh*, Tài liệu tọa đàm về phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tháng 1/2015.
- Nguyễn Tuấn Tú (2014), ‘Chiến lược phát triển TP.HCM đến năm 2015, tầm nhìn 2025: Xác định ưu tiên cụm ngành công nghiệp hỗ trợ’, *baobaovephapluat.vn*, truy cập ngày 15 tháng 08 năm 2014, <http://baobaovephapluat.vn/kinh-te-do-thi/doanh-nhan-doanh-nghiep/201407/chien-luoc-phat-trien-tphcm-den-nam-2015-tam-nhin-2025-xac-dinh-uu-tien-cum-nganh-cong-nghiep-ho-tro-2344035/>
- Nguyễn Văn Sáng (chủ nhiệm), Hồ Quế Hậu, Nguyễn Thị Diệu Phương, Nguyễn Hữu Trinh (2015), ‘Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế’, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 7/2015.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Văn Sáng**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, học thuyết kinh tế, Chính sách kinh tế - xã hội.
- Một số tạp chí đã đăng công trình nghiên cứu: Tạp chí Phát triển kinh tế, Tạp chí Khoa học chính trị
- Địa chỉ Email: sangnv@ueh.edu.vn